

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÙI XUÂN TRƯỜNG

**NGHIÊN CỨU PHẪU THUẬT
CẮT RỘNG - TẠO HÌNH
ĐIỀU TRỊ UNG THƯ DA VÙNG MẶT**

Chuyên ngành: UNG THƯ HỌC

Mã số: 62.72.23.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS. BS. LÊ HÀNH

2. TS. BS. LÊ TRƯỜNG GIANG

Thành Phố Hồ Chí Minh – Năm 2011

LỜI CAM ĐOAN

“Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả ghi trong luận án này là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.”

Bùi Xuân Trường

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các hình, biểu đồ, sơ đồ	
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
Chương 1 – TỔNG QUAN TÀI LIỆU	4
Chương 2 – ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	42
Chương 3 – KẾT QUẢ	47
3.1. Đặc điểm nhóm nghiên cứu	47
3.2. Giai đoạn bệnh	48
3.3. Vị trí sang thương	49
3.4. Giải phẫu bệnh	50
3.5. Phân loại khuyết hồng	50
3.6. Lựa chọn vật	51
3.7. Đánh giá theo từng vị trí	52
3.8. Phương pháp vô cảm	75
3.9. Kết quả về mặt ung bướu học	75
3.10. Biến chứng	79
3.11. Kết quả chức năng	81
3.12. Kết quả thẩm mỹ	82
Chương 4 - BÀN LUẬN	85
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	121
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ	123
TÀI LIỆU THAM KHẢO	124
PHỤ LỤC	133

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATP	Adenosine triphosphate
CTBĐ	Carcinôm tế bào đáy
CTBG	Carcinôm tế bào gai
TH	Trường hợp

BẢNG ĐỐI CHIẾU THUẬT NGỮ VIỆT – ANH

Carcinôm tế bào đáy	Basal cell carcinoma
Carcinôm tế bào gai	Squamous cell carcinoma
Carcinôm tế bào đáy dạng nốt	Nodular basal cell carcinoma
Carcinôm tế bào đáy dạng sắc tố	Pigmented basal cell carcinoma
Carcinôm tế bào đáy dạng xơ cứng	Morpheaform basal cell carcinoma
Carcinôm tế bào đáy dạng nông	Superficial basal cell carcinoma
Điều trị bằng quang động học	Photodynamic therapy
Đơn vị thẩm mỹ	Aesthetic unit
Đường giảm căng da	Relaxed skin-tension lines
Gen đè nén bướu	Tumor suppressor gene
Hội chứng nevi tế bào đáy	Basal cell nevus Syndrome
Phẫu thuật cắt rộng và tạo hình	Wide excision and reconstruction
Phẫu thuật đông lạnh	Cryosurgery
Phẫu thuật Mohs	Mohs' surgery
Phẫu thuật nạo và đốt điện	Electrodesiccation and Curretage
Tia cực tím	Ultraviolet light
Vạt cạnh giữa trán	Paramedial forehead flap
Vạt được cấp máu ngẫu nhiên	Random cutaneous flap
Vạt bản lề	Hinged flap
Vạt chen	Interpolated flap
Vạt chuyển vị	Transposition flap
Vạt có cuống mạch, vạt trục	Arterial cutaneous flap, axial pattern flap
Vạt cuống dưới da	Island subcutaneous flap
Vạt đảo	Island flap

Vạt gốc mũi	Glabellar flap
Vạt hai thùy	Bilobed flap
Vạt hình thoi	Rhomboid flap
Vạt mũi môi	Nasolabial flap
Vạt tại chỗ	Local flap
Vạt trụ	Pivotal flap
Vạt trượt	Advancement flap
Vạt xa	Distant flap
Vạt xoay	Rotation flap
Vùng thẩm mỹ	Aesthetic region

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng	Tên bảng	Trang
1.1	Xếp hạng TNM	17
1.2	Xếp giai đoạn lâm sàng	17
1.3	Các yếu tố tiên lượng bệnh của carcinôm tế bào đáy	19
1.4	Chỉ định xạ trị hỗ trợ cho ung thư da không phải mêlanôm	21
1.5	Phân loại vạt theo cách chuyển vạt	33
2.1	Đánh giá kết quả chức năng sau phẫu thuật	45
2.2	Đánh giá kết quả thẩm mỹ sau phẫu thuật	46
3.1	Tiền căn bệnh lý và thói quen nhóm nghiên cứu	48
3.2	Phân bố vị trí sang thương	49
3.3	Các dạng đại thể của carcinôm tế bào đáy	50
3.4	Vị trí khuyết hổng phức tạp	51
3.5	Các kỹ thuật tạo hình đã áp dụng	52
3.6	Vạt sử dụng trong tạo hình sang thương vùng trán	53
3.7	Vạt sử dụng trong tạo hình sang thương vùng mi mắt	55
3.8	Vị trí sang thương vùng mũi	59
3.9	Vạt sử dụng trong tạo hình sang thương vùng mũi	61-62
3.10	Vị trí sang thương vùng môi - cằm	63
3.11	Vạt sử dụng trong tạo hình sang thương vùng môi - cằm	66
3.12	Vị trí sang thương vùng má	67
3.13	Vạt sử dụng trong tạo hình sang thương vùng má	69-70
3.14	Vạt sử dụng trong tạo hình sang thương vùng tai ngoài	71

Bảng	Tên bảng	Trang
3.15	Vật sử dụng trong tạo hình sang thương nhiều vùng thẩm mỹ	73-74
3.16	Chọn lựa phương pháp vô cảm	75
3.17	Rìa diện cắt phẫu thuật	75
3.18	Kết quả kiểm soát diện cắt sau phẫu thuật	76
3.19	Vị trí tái phát	77
3.20	Tương quan giữa diện cắt và tái phát	78
3.21	Biến chứng phẫu thuật	80
3.22	Kết quả chức năng	81
3.23	Đặc điểm các TH đạt kết quả kém	82
3.24	Đặc điểm bệnh học - điều trị các TH đạt kết quả kém	82
3.25	Kết quả thẩm mỹ	83
3.26	Vị trí các TH đạt kết quả kém	83
3.27	Đặc điểm bệnh học - điều trị các TH đạt kết quả kém	84
4.1	So sánh tỉ lệ tái phát	90
4.2	So sánh tỉ lệ biến chứng	116
4.3	So sánh kết quả chức năng	117
4.4	So sánh kết quả thẩm mỹ	119

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình	Tên hình	Trang
1.1	Giải phẫu học của da	5
1.2	Động mạch da - cơ và động mạch da trực tiếp	6
1.3	Tổn thương dạng nốt của carcinôm tế bào đáy	13
1.4	Tổn thương dạng xơ cứng của carcinôm tế bào gai	13
1.5	Giải phẫu học mạch máu và thần kinh vùng mặt nông	26
1.6	Các đơn vị thẩm mỹ vùng mặt	28
1.7	Vạt hai thùy	31
1.8	Vạt hình thoi	31
1.9	Vạt xoay	33
1.10	Vạt chuyển vị	36
1.11	Vạt chen	36
1.12	Vạt trượt một cuống và hai cuống	39
1.13	Vạt trượt kiểu V-Y	40
1.14	Vạt trượt kiểu Y-V	40
3.1	Sử dụng vạt trượt hai cuống tạo hình vùng trán	54
3.2	Sử dụng vạt trượt hai cuống tạo hình vùng thái dương	54
3.3	Sử dụng vạt trượt tạo hình khuyết hổng khóe trong	56
3.4	Sử dụng vạt xoay tạo hình khuyết hổng khóe trong	56
3.5	Sử dụng vạt xoay - chuyển sụn tạo hình khuyết hổng mi dưới	57
3.6	Sử dụng vạt xoay - ghép sụn tạo hình khuyết hổng mi dưới	57
3.7	Sử dụng vạt cuống dưới da tạo hình khuyết hổng mi dưới	57
3.8	Sử dụng vạt cạnh giữa trán tạo hình khuyết hổng mi dưới	58

Hình	Tên hình	Trang
3.9	Sử dụng vật cạnh giữa trán tạo hình khuyết hồng phức tạp	58
3.10	Sử dụng vật cạnh giữa trán tạo hình khuyết hồng gốc mũi - sống mũi	58
3.11	Sử dụng vật trượt cuống dưới da cho khuyết hồng thành bên sống mũi	59
3.12	Sử dụng vật hai thùy tạo hình khuyết hồng thành bên mũi	60
3.13	Sử dụng vật mũi môi dạng đảo tạo hình cánh mũi	60
3.14	Sử dụng vật mũi môi - ghép sụn tạo hình khuyết hồng cánh mũi	60
3.15	Sử dụng vật trượt cuống dưới da tạo hình khuyết hồng da môi trên	64
3.16	Sử dụng vật đảo mũi môi tạo hình khuyết hồng da môi trên - trụ mũi	64
3.17	Sử dụng vật trượt hai cuống kiểu Bernard tạo hình khuyết hồng da môi dưới	64
3.18	Sử dụng vật Estlander tạo hình khuyết hồng môi trên	65
3.19	Sử dụng vật da cơ bám da cổ tạo hình khuyết hồng vùng cằm - môi dưới	65
3.20	Sử dụng vật xoay tạo hình khuyết hồng vùng gò má	68
3.21	Sử dụng vật hai thùy tạo hình khuyết hồng vùng gò má	68
3.22	Sử dụng vật Mustarde tạo hình khuyết hồng vùng má	68
3.23	Sử dụng vật chuyển vị tạo hình khuyết hồng vùng ống tai	71
3.24	Sử dụng vật chuyển vị tạo hình khuyết hồng vùng vành tai	72
3.25	Sử dụng vật Mustarde tạo hình khuyết hồng vùng má - mi mắt	72
3.26	Sử dụng vật đảo - trượt tạo hình khuyết hồng vùng mũi - má	74
3.27	Kết quả chức năng	81
3.28	Kết quả thẩm mỹ	84